

BÀI VIẾT SỐ 4

(Kiểm tra tổng hợp cuối Học kì I)

I – BÀI TẬP

1. Bài viết số 4 trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một đã nêu lên những nội dung *đọc văn* chính nào ?

2. Nêu những thể loại văn học trung đại có trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một.

3. Thống kê các nội dung *tiếng Việt* được học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một theo bảng sau :

Những nội dung tiếng Việt ôn lại	Những nội dung tiếng Việt mới
Trường nghĩa, trái nghĩa	Phong cách ngôn ngữ báo chí

4. Thống kê các nội dung *làm văn* được học trong sách *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một theo bảng sau :

Những nội dung làm văn ôn lại	Những nội dung làm văn mới
Thao tác lập luận giải thích, chứng minh,...	Thao tác lập luận so sánh

5. Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau

Câu 1. Tại sao Xuân Diệu lại gọi Hồ Xuân Hương là "Bà Chúa Thơ Nôm" ?

- A. Vì Hồ Xuân Hương làm rất nhiều thơ Nôm
- B. Vì nội dung thơ của Hồ Xuân Hương rất nôm na, dễ hiểu
- C. Vì bà là nhà thơ Nôm xuất sắc nhất của dòng thơ Nôm Việt Nam.
- D. Vì Hồ Xuân Hương chỉ làm thơ Nôm

Câu 2. "Nguyễn Khuyến nổi tiếng nhất trong văn học Việt Nam là về thơ Nôm. Mà trong thơ Nôm của Nguyễn Khuyến, nức danh nhất là ba bài thơ mùa thu : *Thu điếu, Thu ẩm, Thu vịnh*" (Xuân Diệu).

Nhận xét trên muốn khẳng định điều gì ?

- A. Nguyễn Khuyến là nhà thơ nổi tiếng nhất trong văn học Việt Nam
- B. Thơ về mùa thu của Nguyễn Khuyến là nổi tiếng nhất trong văn học Việt Nam
- C. Nguyễn Khuyến nổi tiếng về thơ Nôm, trong đó nổi danh nhất là ba bài thơ thu
- D. *Thu điếu, Thu ẩm, Thu vịnh* là ba bài thơ hay nhất của văn học Việt Nam

Câu 3. Một bài văn thường có các phần : *Lung khởi* (cảm tưởng khái quát về người chết) ; *Thích thực* (hồi tưởng công đức của người chết) ; *Ai vãn* (than tiếc người chết) ; *Kết* (nêu lên ý nghĩ và lời mời của người viết đối với linh hồn người chết).

Thể loại nào phù hợp với đặc điểm cấu trúc trên ?

- A. Thơ hát nói
- B. Văn tế
- C. Văn bia
- D. Chiếu

Câu 4. "... là một nhà nho tiết tháo, sống theo đạo nghĩa của nhân dân. Ông không chỉ là người con có hiếu, người thầy mẫu mực, mà còn là một chiến sĩ yêu nước tham gia bàn mưu lược với các chí sĩ chống thực dân Pháp. Ông có uy tín rất lớn trong dân chúng".

Nhận xét trên nói về nhà thơ nào ?

- A. Nguyễn Khuyến
- B. Trần Tế Xương
- C. Cao Bá Quát
- D. Nguyễn Đình Chiểu

Câu 5. "Tác phẩm không chỉ là một thiên anh hùng ca đặc sắc, mà còn là lời bộc bạch gan ruột của người dân không chịu làm nô lệ, thể đánh giặc đến cùng, là lời trách móc thâm trầm đối với thái độ đầu hàng bạc nhược của triều đình nhà Nguyễn".

Nhận xét trên nói về tác phẩm nào ?

- A. *Đại cáo bình Ngô*
- B. *Bài ca ngắn đi trên bãi cát*
- C. *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*
- D. *Truyện Lục Vân Tiên*

Câu 6. Lựa chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thơ sau :

*Bác Dương thôi đã ... rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.*

(Khóc Dương Khuê – Nguyễn Khuyến)

- A. chết
- B. mất
- C. thôi
- D. đi

Câu 7. Dòng nào sau đây nêu đúng thành công nổi bật trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Khuyến ?

- A. Thơ chữ Hán
- B. Thơ Nôm
- C. Câu đối
- D. Thơ thất ngôn bát cú Đường luật

Câu 8. Ở câu văn "Qua nhân vật Thuý Kiều cho ta thấy rõ nỗi khổ nhục của người phụ nữ", người viết mắc lỗi gì ?

- A. Không phân định rõ định ngữ, phân phụ chú và vị ngữ
- B. Không phân định rõ thành phần trạng ngữ và chủ ngữ
- C. Không phân định rõ trật tự cần có của thành phần câu
- D. Không phân biệt rõ những bổ ngữ có cách chi phối khác nhau

Câu 9. Dòng nào điền vào chỗ trống sau từ "Nguyễn Đình Chiểu,..." để được câu đúng ?

- A. Nhà thơ mù đất Đồng Nai
- B. Nhà thơ mù, sinh ra ở Đồng Nai
- C. Người con trung hiếu của đất Đồng Nai
- D. Nhà thơ mù yêu nước của dân tộc Việt Nam

Câu 10. Trong hai câu thơ "Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử - Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi", tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì ?

- A. Hoán dụ
- B. Liệt kê
- C. Lập cú pháp
- D. Nói quá

Câu 11 : Trong hai câu thơ "Đã cho lấy chữ hồng nhan - Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân", Nguyễn Du đã sử dụng biện pháp tu từ gì ?

- A. Liệt kê
- B. Điệp ngữ
- C. Lập cú pháp
- D. So sánh

Câu 12 : Hãy cho biết câu nào sau đây mắc lỗi ?

- A. Qua đây, người ta thấy anh là một nhà thơ nổi tiếng trên văn đàn Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945.
- B. Qua tác phẩm, tác giả đã thể hiện sự thông cảm sâu sắc với người cung nữ.
- C. Qua *Truyện Kiều* của Nguyễn Du cho ta thấy rõ tài năng sử dụng tiếng Việt của nhà thơ.
- D. Qua công việc, chúng ta mới có thể đánh giá đúng được phẩm chất con người.

6. Tìm hiểu và nêu hướng lập ý cho các đề sau :

Đề 1. Anh (chị) nghĩ như thế nào khi nhà triết học Hi Lạp cổ đại Đê-nông (346 - 264 tr. CN) nói với một người bẻm mép : "Chúng ta có hai tai và một mồm để nghe nhiều hơn và nói ít hơn".

Đề 2. Bút pháp lãng mạn trong truyện *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân.

Đề 3. Chí Phèo của Nam Cao – một nhân vật điển hình.

Đề 4. Nghệ thuật châm biếm sắc sảo của Vũ Trọng Phụng qua đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia* (trích *Số đỏ*).

II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Học sinh tự làm.

2. Các thể loại văn học trung đại đã được học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một là :

- Thơ trữ tình : *Tự tình* – bài II (Hồ Xuân Hương)
- Truyện thơ : *Truyện Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu)
- Truyện kí : *Vào phủ chúa Trịnh* (trích *Thượng kinh kí sự* – Lê Hữu Trác)
- Văn tế : *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Nguyễn Đình Chiểu)
- Tuồng : *Đông Mẫu* (trích *Sơn Hậu*)
- Hát nói : *Bài ca ngát ngưỡng* (Nguyễn Công Trứ)
- Chiếu : *Chiếu cầu hiền* (Ngô Thì Nhậm).

3, 4 và 5. Học sinh tự làm.

6. Gợi ý giải các đề

Đề 1. Câu nói của Dê-nông là một lời khuyên rất sâu sắc. Ý nghĩa chính của câu nói này là con người cần biết lắng nghe nhiều hơn và nói ít hơn. Có thể giải thích lời khuyên đó bằng cách trả lời câu hỏi : Tại sao trong cuộc sống con người cần lắng nghe nhiều hơn và nói ít hơn ? Sau đó có thể phê phán những biểu hiện xấu, nói nhiều mà không làm, không chịu lắng nghe ý kiến người khác,... Từ đó mà rút ra bài học cho chính mình.

Đề 2. Cần có các ý sau :

– Đặc điểm của bút pháp lãng mạn (nêu những biện pháp cụ thể mà bút pháp lãng mạn thường sử dụng).

– Chỉ ra những biểu hiện của bút pháp lãng mạn trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân.

– Vai trò, tác dụng của bút pháp lãng mạn đó.

Đề 3. Một số ý cần có :

– Thế nào là nhân vật điển hình ? (nêu đặc điểm)

– Phân tích và chứng minh tính điển hình của nhân vật Chí Phèo.

– Giá trị và ý nghĩa của nhân vật điển hình này.

Đề 4. Các ý cần có :

– Những hình thức chủ yếu của nghệ thuật châm biếm ?

– Phân tích và làm sáng tỏ nghệ thuật châm biếm sắc sảo của Vũ Trọng Phụng qua đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia*.

– Giá trị và ý nghĩa nghệ thuật châm biếm qua đoạn trích này.